TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2024/KDTM-ST
Ngày 23-4-2024
Về việc Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Liễng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Từ Anh Tuấn.

2. Bà Bùi Thị Thúy Lan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Chu Tường Vy, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 11/2024/TLST- KDTM ngày 26 tháng 01 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2024/QĐXXST-KDTM ngày 01 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn I; trụ sở: Số I, N, Phường A, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Bà Trần Thị Tú A, sinh năm 2000; địa chỉ: Số B, Đ khu công nghiệp S, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ngày 26/12/2023). Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn*: Công ty Trách nhiệm hữu hạn H; trụ sở: Số B, khu phố C, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 26/12/2023, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn I (sau đây gọi tắt là Ngân hàng I) và Công ty Trách nhiệm hữu hạn H (sau đây gọi tắt là Công ty H) có ký Hợp đồng vay vốn số 125/1208/CLc/016076 ngày 24/12/2008; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng hạn mức tín dụng số 125BS18/0519/CLc/5016076 ngày 20/05/2019; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng hạn mức tín dụng số 125BS19/0620/CLc/5016076 ngày 18/06/2020, theo đó Ngân hàng I cho Công ty H 170.000 USD (đô la Mỹ). Mục đích cho vay: Tài trợ cho nhu vốn lưu động và nhập khẩu nguyên vật liệu cho bên Công ty H được thanh toán qua Ngân Hàng dưới hình thức L/C, D, D/P, T; Thời hạn vay, không quá 6 tháng tháng tính từ ngày tiếp theo của ngày Ngân hàng I giải ngân; lãi suất cho vay: Đối với (các) khoản vay thông thường: Chi phí vốn của IVB tại thời điểm giải ngân cộng với một biên độ lãi suất thích hợp do IVB quyết định. Lãi suất cụ thể được xác định trong mỗi Giấy cam kết trả nợ và được xem xét lại theo quyết định của IVB căn cứ vào tình hình chung của thị trường tiền tệ theo từng thời kỳ. Trong trường hợp chậm thanh toán nợ gốc hoặc một phần nợ gốc thì lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay hiện hành sẽ được tính trên số nợ gốc chậm thanh toán.

Đối với khoản vay VUSD: Lãi suất cụ thể được xác định trong mỗi Giấy cam kết trả nợ ký bởi bên vay và được xem xét lại theo quyết định của IVB căn cứ vào tình hình chung của thị trường tiền tệ theo từng thời kỳ. Trong trường hợp chậm thanh toán nợ gốc hoặc một phần nợ gốc thì ngay khi bị quá hạn, khoản vay sẽ được chuyển sang khoản vay VND thông thường quá hạn với lãi suất vay quá hạn bằng 150% lãi suất vay VND thông thường của IVB tại thời điểm khoản vay được chuyển sang nợ quá hạn; hoặc ngay khi được gia hạn nợ, khoản vay sẽ được chuyển sang khoản vay VND thông thường với lãi suất vay do IVB quyết định nhưng không vượt quá 150% lãi suất vay VND thông thường của IVB tại thời điểm khoản vay được gia hạn. Đối với khoản vay bắt buộc (theo Giấy Thông báo Nợ vay bắt buộc) lãi suất được tính bằng 150% lãi suất vay hiện hành.

Lãi được tính trên cơ sở 365 ngày một năm, được tính từ ngày giải ngân, bao gồm ngày giải ngân đến hết ngày liền kề trước ngày thanh toán. Lãi được tính theo số dư nợ cho vay thực tế và thời gian duy trì số dư nợ cho vay thực tế đó. Trong trường hợp chậm thanh toán lãi vay, bên vay phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất tối đa 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Các khoản vay cụ thể như sau: Giấy cam kết trả nợ số 125BS180519CL45, đã giải ngân số tiền 409.530.000 đồng ngày 23/12/2019, ngày đến hạn 23/12/2020 dư nợ còn lại 140.987.217 đồng; Giấy cam kết trả nợ số 125BS180519CL46, đã giải ngân số tiền 285.022.232 đồng ngày 25/12/2019, ngày đến hạn 25/12/2020, dư

nợ còn lại 285.022.232 đồng; Giấy cam kết trả nợ số 125BS180519CL47, đã giải ngân số tiền 200.000.000 đồng vào ngày 30/12/2019, ngày đến hạn 30/12/2020, dư nợ còn lại 200.000.000 đồng; Giấy cam kết trả nợ số 125BS180519CL48, đã giải ngân số tiền 90.365.000 đồng vào ngày 02/01/2020, ngày đến hạn 04/01/2021, dư nợ còn lại 90.365.000 đồng; Giấy cam kết trả nợ số 125BS180519CL49, đã giải ngân số tiền 316.277.500 đồng vào ngày 03/01/2020, ngày đến hạn 04/01/2021, dư nợ còn lại 316.277.500 đồng; Giấy cam kết trả nợ số 125BS180519CL50, đã giải ngân số tiền 22.114.838 đồng vào ngày 03/01/2020, ngày đến hạn 04/01/2021, dư nợ còn lại 22.114.838 đồng; Giấy cam kết trả nợ số 125BS180519CL51, đã giải ngân số tiền 146.630.044 đồng vào ngày 06/01/2020, ngày đến hạn 06/01/2021, dư nợ còn lại 146.630.044 đồng; Giấy cam kết trả nợ số 125BS180519CL52, đã giải ngân số tiền 160.000.000 đồng vào ngày 17/01/2020, ngày đến hạn 18/01/2021, dư nợ còn lại 160.000.000 đồng; Giấy cam kết trả nợ số 125BS180519CL62, đã giải ngân số tiền 324.399.900 đồng vào ngày 30/03/2020, ngày đến hạn 30/09/2020, dư nợ còn lại 227.318.574 đồng; Giấy cam kết trả nợ số 125BS180519CL63, đã giải ngân số tiền 20.966.000 đồng vào ngày 03/04/2020, ngày đến hạn 05/10/2020, dư nợ còn lại 20.966.000 đồng; Giấy cam kết trả nợ số 125BS180519CL64, đã giải ngân số tiền 570.000.000 đồng vào ngày 13/04/2020, ngày đến hạn 13/10/2020, dư nợ còn lại 570.000.000 đồng; Giấy cam kết trả nợ số 125BS180519CL65, đã giải ngân số tiền 160.000.000 đồng vào ngày 14/04/2020, ngày đến hạn 14/10/2020, dư nợ còn lại 160.000.000 đồng; Giấy cam kết trả nợ số 125BS180519CL66, đã giải ngân số tiền 660.000.000 đồng vào ngày 15/04/2020, ngày đến hạn 15/10/2020, dư nợ còn lại 660.000.000 đồng; Giấy cam kết trả nợ số 125BS180519CL67, đã giải ngân số tiền 63.431.719 đồng vào ngày 20/04/2020, ngày đến hạn 20/10/2020, dư nợ còn lại 63.431.719 đồng; Giấy cam kết trả nợ số 125BS180519CL68, đã giải ngân số tiền 118.540.000 đồng vào ngày 05/05/2020, ngày đến hạn 05/11/2020, dư nợ còn lại 118.540.000 đồng; Giấy cam kết trả nợ số 125BS180519CL69, đã giải ngân số tiền 9.368.128 đồng vào ngày 13/05/2020, ngày đến hạn 13/11/2020, dư nợ còn lại 9.368.128 đồng. Tổng cộng các khoản mà Ngân hàng I đã giải ngân là 3.556.645.361 đồng.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, Công ty H đã thanh toán được tổng số tiền 492.583.843 đồng, trong đó nợ gốc 365.624.109 đồng, lãi 126.959.734 đồng và không thanh toán nữa, mặc dù Ngân hàng I nhiều lần nhắc nhở. Tính đến ngày 23/4/2024, Công ty H còn nợ 4.516.065.467 đồng, trong đó nợ gốc 3.191.021.252 đồng, lãi quá hạn 1.325.044.215 đồng.

Nay, Ngân hàng I yêu cầu Tòa án giải quyết:

+ Buộc Công ty H phải trả cho Ngân hàng I tổng số tiền nợ gốc quá hạn và nợ lãi quá hạn 4.516.065.467 đồng, trong đó: Nợ gốc: 3.191.021.252 đồng; lãi quá hạn: 1.325.044.215 đồng.

+ Công ty H còn phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng I số tiền lãi, lãi quá hạn theo thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng đã ký kết kể từ ngày 24/4/2024 cho đến khi Công ty H hoàn tất nghĩa vụ trả nợ.

Bị đơn Công ty H không đến Tòa án làm việc, cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án cũng như không cung cấp ý kiến đồng ý hay phản bác với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương:

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Căn cứ vào quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các quy định pháp luật có liên quan đến quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng dân sự, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập tham gia tố tụng bằng hình thức thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng nhưng vắng mặt không có lý do, đại diện hợp pháp của nguyên đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt, Tòa án căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Về tố tụng: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Nội dung: Xét Hợp đồng vay vốn số 125/1208/CLc/016076 ngày 24/12/2008; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng hạn mức tín dụng số 125BS18/0519/CLc/5016076 ngày 20/05/2019; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng hạn mức tín dụng số 125BS19/0620/CLc/5016076 ngày 18/06/2020 được ký giữa người đại diện hợp pháp của Công ty H và Ngân hàng I là sự tự nguyện thỏa thuận giữa hai bên nên có giá trị bắt buộc thực hiện. Quá trình thực hiện hợp đồng, Ngân hàng I đã giải ngân toàn bộ các khoản vay trên và Công ty H đã xác nhận thể hiện ở các bản cam kết trả nợ. Tính đến ngày 23/4/2024, Công ty H còn nợ Ngân

hàng I 4.516.065.467 đồng, trong đó: Nợ gốc: 3.191.021.252 đồng; lãi quá hạn: 1.325.044.215 đồng. Căn cứ vào Công văn số 356/ĐKKD ngày 20/3/2024 của Phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hạch đầu tư tỉnh B xác định: Công ty TNHH H có địa chỉ trụ sở tại số B, khu phố C, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương, người đại diện theo pháp luật là ông Huang Kuo T1. Hiện Công ty không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký kinh doanh và Phòng đăng ký kinh doanh – Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh B chưa nhận hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, hồ sơ tạm ngừng hay giải thể của doanh nghiệp. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo cho bị đơn trên các phương tiện thông tin đại chúng nhưng Công ty H không đến Tòa án làm việc cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp có đủ căn cứ chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, Ngân hàng I khởi kiện yêu cầu Công ty H thanh toán khoản nợ 4.516.065.467 đồng, trong đó: Nợ gốc: 3.191.021.252 đồng; lãi quá hạn: 1.325.044.215 đồngvà yêu cầu tính tiền lãi trên nợ gốc quá hạn kể từ ngày 24/4/2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ là có căn cứ.

[3] Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An về giải quyết vụ án là phù hợp nên chấp nhận.

[5] Chi phí tố tụng: Chi phí thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng là 3.900.000 đồng, nguyên đơn tự nguyện chịu được khấu trừ vào số tiền đã ứng nộp.

[6] Án phí sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với khoản nợ phải trả cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn I với bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn H về tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn H có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn I khoản nợ theo các Hợp đồng vay vốn số 125/1208/CLc/016076 ngày 24/12/2008; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng hạn mức tín dụng số 125BS18/0519/CLc/5016076 ngày 20/05/2019; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng hạn mức tín dụng số 125BS19/0620/CLc/5016076 ngày 18/06/2020 tính đến ngày 23/4/2024 là 4.516.065.467 (bốn tỷ năm trăm mười sáu triệu không trăm sáu mươi lăm nghìn bốn trăm sáu mươi bảy) đồng, trong đó: Nợ gốc: 3.191.021.252 (ba tỷ một trăm chín mươi mốt triệu không trăm hai mươi mốt nghìn hai trăm năm mươi hai) đồng; lãi quá hạn: 1.325.044.215 (một tỷ ba trăm hai mươi lăm triệu không trăm bốn mươi bốn nghìn hai trăm mười lăm) đồng.

- Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn H phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại các Hợp đồng vay vốn số 125/1208/CLc/016076 ngày 24/12/2008; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng hạn mức tín dụng số 125BS18/0519/CLc/5016076 ngày 20/05/2019; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng hạn mức tín dụng số 125BS19/0620/CLc/5016076 ngày 18/06/2020 kể từ ngày 24/4/2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

2. Chi phí tố tụng: Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn I tự nguyện chịu 3.900.000 (ba triệu chín trăm nghìn) đồng chi phí thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng, được khấu trừ vào số tiền đã ứng nộp.

3. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty Trách nhiệm hữu hạn H phải chịu 112.516.065 (một trăm mười hai triệu năm trăm mười sáu nghìn không trăm sáu mươi lăm) đồng. Trả lại cho Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn I (năm mươi sáu triệu một trăm tám mươi hai nghìn một trăm năm mươi bốn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001593 ngày 23/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

4. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP. Dĩ An;
- CCTHA dân sự TP. Dĩ An;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- TAND tỉnh Bình Dương;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA.

Đỗ Thị Liễng